TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2019
V/v: Ly hôn giữa bà H và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Xuân Tỵ.
2. Ông Cầm văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vương Ngọc H, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Số nhà 347/3 đường Trần Ph, phường Lộc Sơn, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 90 đường Lý Thái T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Đào Khắc T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số nhà 347/3 đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
(Tại phiên tòa bà H có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vương Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đào Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào

ngày 20/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông T không chăm lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với vợ con, mọi việc lo toan kinh tế và chăm sóc con cái trong gia đình đều do một mình bà H gánh vác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đào Khánh A, sinh ngày 09/02/2014 và Đào Thiên B, sinh ngày 20/01/2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì mỗi người nuôi một cháu. Khi ly hôn bà xin nuôi cháu Đào Khánh A và đồng ý giao cháu Đào Thiên B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Khắc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vương Ngọc H có đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, ngoài ra vợ chồng có sự hiểu lầm về tình cảm nên dẫn đến cãi vã làm cho tình cảm bị rạn nứt. Từ cuối năm 2018 cho đến nay bà H đã chuyển ra ngoài sinh sống không còn quan tâm gì đến ông. Tuy ông thấy bà H không còn tình cảm gì với ông nữa nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà H và bản thân ông theo đạo Thiên chúa giáo nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà H trình bày là đúng. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì cháu B đang sống với ông còn cháu A sống với bà H. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đề nghị được nuôi con chung là cháu Đào Thiên B và đồng ý giao con Đào Khánh A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố

B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận; Về con chung: giao con chung tên Đào Thiên B, sinh ngày 20/01/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đào Khánh A, sinh ngày 09/02/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà H và ông T tự thỏa thuận nên không xem xét; Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Các đương sự khai không có; Về án phí: Bà H phải chịu án phí DSST theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đào Khắc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Vương Ngọc H và ông Đào Khắc T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông T có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về cách làm ăn kinh tế, về tình cảm dẫn đến cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Ông T sống không có trách nhiệm với vợ con, cả ông T và bà H đều xác nhận từ cuối năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã sống mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa bà H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông T vì không còn tình cảm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà H và ông T mỗi người đã sống một nơi từ cuối năm 2018 cho đến nay. Mặt khác ông T trình bày đã nhiều lần đến gặp bà H để hàn gắn tình cảm nhưng bà H không cho ông cơ hội, bản thân ông cũng biết bà H không còn tình cảm gì với mình. Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông T và bà H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xem xét yêu cầu nuôi con chung của bà H thấy rằng từ khi ông T và bà H sống mỗi người một nơi thì cháu B vẫn sống với ông T, cháu A sống với bà H. Bà H và ông T cũng thỏa thuận mỗi người nuôi một con chung và xét về điều kiện sống cũng như tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho các con nên giao con chung tên Đào Thiên B, sinh ngày 20/01/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đào Khánh A, sinh ngày 09/02/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà H và ông T tự thỏa thuận nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông T và bà H đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vương Ngọc H và ông Đào Khắc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đào Thiên B, sinh ngày 20/01/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đào Khánh A, sinh ngày 09/02/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông T và bà H khai không có.

5. Về án phí: Bà Vương Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002686 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND thành phố B;
+ T.H.A thành phố B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND phường 2, thành phố B;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền